

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHÁNH VĨNH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST  
Ngày: 14-11-2019  
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Thúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cảnh

2. Bà Hà Thị Phương Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Hay – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST- DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 23/9/2019; Thông báo दौर xét xử số: 01/2019/TB – TA ngày 16/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST – DS ngày 30/10/2019 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân M - Sinh năm: 1955

Địa chỉ: Thôn S, xã Khánh Đ, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ - Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn S, xã Khánh Đ, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

\* Người làm chứng: Ông Trần Khánh T - Sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn S, xã Khánh Đ, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2019, bản tự khai ngày 02/7/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M trình bày:

Tháng 11/2017 tôi có cho ông Nguyễn Hữu Đ lấy nhiều lần với số tiền là 225.600.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn) đồng giữa hai bên không ký giấy giao nhận tiền, lý do đưa tiền cho ông Đ mua rừng keo trồng để khai thác và giao thành phẩm cho tôi để trừ nợ. Nhưng mãi đến tháng 02/2018 ông Đ chỉ trả được một ít tiền từ việc trừ keo bì, sau khi không có cây keo để giao tôi đã gặp ông Đ để viết giấy xác nhận với số tiền là 204.450.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng, ông Đ đã ký giấy xác nhận số nợ. Từ tháng 02/2018 tôi đã nhiều lần gặp ông Đ để đòi lại số tiền mà ông Đ còn nợ tôi, tuy nhiên ông Đ chỉ hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không hoàn trả số tiền cho tôi.

Đến nay ông Đ vẫn chưa trả tiền cho tôi. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả lại cho tôi số tiền 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng, không yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi suất. Về án phí, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

*\* Theo bản tự khai ngày 22/7/2019, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Hữu Đ trình bày:*

Vào đầu năm 2017 tôi có cưa keo nhà tôi thì ông Nguyễn Xuân M cư trú tại xã Khánh Đ, huyện K, tỉnh Khánh Hòa có hỏi tôi để được chở keo bì và sau đó tôi và ông M làm ăn trên phương diện hai bên hợp tác cùng có lợi. Ông M đưa tiền cho tôi mượn để mua keo và người chở keo bì của tôi là ông M. Chúng tôi vẫn làm ăn bình thường, đến sau khi cơn bão xong vào đầu tháng 11 năm 2017, ông M gọi điện thoại cho tôi tính toán và xác nhận số tiền còn lại lấy từ ông M là 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng, tôi đã đồng ý ký giấy xác nhận nợ. Sau đó, bắt đầu ngày 02/3/2018 người của ông M và con ông M chở keo bì của tôi đi bán để trừ nợ với tổng số keo quy ra tiền là 135.530.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng. Những lần người của ông M và con anh M chở keo cụ thể là:

- Ngày 02/3/2018 đến ngày 08/3/2018 chở keo tại xã Khánh Nam;
- Ngày 20/3/2018 đến ngày 22/3/2018 chở keo tại xã Khánh Trung;
- Ngày 12/4/2018 đến ngày 19/4/2018 chở keo tại Suối Bùn, thị trấn K;
- Ngày 06/5/2018 chở keo tại xã Khánh Đ.
- Ngày 06/11/2018 chở keo tại Suối Cát ở Ninh Hòa

Tôi với ông M đang làm ăn với nhau, không hiểu tại sao ông M lại đi rêu rao ở xã Khánh Đ cho rằng tôi thiếu nợ ông M không trả. Khi nghe thông tin, tôi đã gọi điện thoại nhiều lần cho ông M để làm rõ nhưng ông M không nghe điện thoại, sau đó ông M không liên lạc gì với tôi và cũng không đến chở keo bì của tôi, để cho keo bì của tôi khô hết buộc tôi phải kêu công lột vỏ bán theo keo giấy.

Số tiền tôi ký xác nhận từ ông M là 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng đã được trả qua nhiều lần từ việc người của ông M chở keo của tôi đi bán với số tiền là 135.530.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng. Số tiền tôi nợ còn lại là 68.891.000 (Sáu mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng mà thôi. Ông M nói tôi chưa trả cho ông đồng nào là không đúng sự thật. Những người bóc keo bì của tôi cho ông M gồm: Trần Toàn, Trần Huy Hoàng và Đỗ Hữu Phương cùng cư trú tại thôn Suối Sâu, xã Khánh Đ đều biết sự việc bóc keo bì của tôi bán cho ông M, tuy nhiên họ không biết gì về chuyện tiền bạc giữa tôi và ông

M. Nay ông M khởi kiện ra tòa yêu cầu tôi phải trả số tiền 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng. Tôi không đồng ý, tôi chỉ chấp nhận trả số tiền còn thiếu của ông M là 68.891.000 (Sáu mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng.

Người làm chứng ông Trần Khánh T khai: Tôi và ông Đ có quan hệ làm ăn với nhau. Ông Đ giao khoán việc cưa keo ra thành phẩm cho tôi rồi ông giao cho các đối tác đến bóc keo. Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018 tôi nhận cưa keo cho ông Đ 4 đám keo, khoảng tháng 11/2018, tôi tiếp tục cưa cho ông Đ một đám keo nữa nhưng chỉ được 01 xe keo bì thì không cưa tiếp. Số keo 4 đám đầu tiên và 01 xe bì của đám keo cuối đều được ông Đ giao cho ông M. Việc người của ông M cho xe vào bóc keo tôi đều chứng kiến vì tôi cần xác định khối lượng keo để tính tiền cưa với ông Đ. Còn việc ông M và ông Đ làm ăn, mượn tiền để mua bán như thế nào thì tôi không biết.

Qua quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã 02 lần lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì và không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng. Theo quy định khoản 1 Điều 6 và tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải cung cấp tài liệu, chứng cứ; chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ ngoài lời khai. Tuy nhiên, quá trình nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh có yêu cầu thu thập thêm lời khai của bị đơn để làm rõ thêm một số vấn đề trong vụ án và thu thập thêm tài liệu chứng cứ từ bị đơn. Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn và tiến hành thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã triệu tập thêm người làm chứng theo đề nghị của bị đơn quy định tại khoản 7 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người làm chứng tại tòa án do bị đơn đề nghị triệu tập ra tại phiên tòa đều không có năm sinh, địa chỉ rõ ràng. Tòa án đã triệu tập theo địa chỉ mà bị đơn cung cấp, nhưng người làm chứng không có mặt nên Tòa án vẫn xét xử dựa trên tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Người tiến hành tố tụng từ ngày thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh thụ lý vụ án về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” mà phải xác định đây là quan hệ tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Điều 351 Bộ luật dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ phải trả số tiền 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng. Và bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Nguyễn Xuân M khởi kiện ông Nguyễn Hữu Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Khánh Đ, huyện K, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu đòi lại tài sản số

tiền là 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh thụ lý vụ án về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh căn cứ theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Điều 166 Bộ luật dân sự. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh.

[2] **Về nội dung vụ án:** Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải trả số tiền theo giấy ghi nhận nợ ngày 02/02/2018 là: 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

Nguyên đơn khai ông Đ có lấy nhiều lần với số tiền để đi mua keo tổng cộng là 225.600.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ngàn) đồng, sau đó ông Đ có mua rừng keo trồng khai thác và giao thành phẩm cho nguyên đơn để trừ nợ. Đến tháng 02/2018 ông Đ trả được một ít tiền và ông Đ có viết giấy xác nhận còn nợ lại của nguyên đơn với số tiền là 204.450.000 (Hai trăm linh bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng. Từ tháng 02/2018 nguyên đơn đã nhiều lần gặp ông Đ để đòi lại số tiền còn nợ, tuy nhiên ông Đ chỉ hứa hẹn hết lần này đến lần khác mà không hoàn trả số tiền đã vay cho nguyên đơn. Còn các lời khai của những người làm chứng tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý vì ông không thuê ông T, cũng như 03 người Trần Toàn, Trần Huy Hoàng và Đỗ Hữu Phương cưa keo, bóc keo như bị đơn khai đó là do ông Đ tự liệt kê ra và yêu cầu họ làm chứng trong vụ án, những người này nguyên đơn khẳng định không biết gì về việc nguyên đơn làm ăn với ông Đ, nếu như ông Đ cho rằng đã chở keo bì cho nguyên đơn và đã trừ được 135.530.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng thì phải đưa ra được bằng chứng, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đằng này ông Đ chỉ nói bằng miệng và yêu cầu một số người làm chứng ra Tòa án là không có cơ sở nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần số tiền là 204.450.000 (Hai trăm linh bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 và biên bản hòa giải ngày 01/9/2019 và 23/9/2019 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Đ thừa nhận có nhận tiền từ ông M nhiều lần để đi mua cây keo, khi có keo bì thì bán lại cho ông M để trừ nợ số tiền đã mượn của ông M và thừa nhận có ghi giấy xác nhận nợ ngày 02/02/2018 với số tiền là 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng. Tuy nhiên, đã được trả qua nhiều lần từ việc xe ông M chở keo bì của bị đơn đi bán với số tiền là 135.530.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng. Do tin tưởng nhau trong quá trình làm ăn nên mỗi lần quân ông M bóc keo không có ký xác nhận, chỉ đến khi hết mùa khai thác keo hai bên mới ngồi lại với nhau để tính toán số tiền. Việc cưa keo, bóc keo có sự chứng kiến của người làm chứng là ông T, Trần Toàn, Trần Huy Hoàng và Đỗ Hữu Phương. Tuy họ, không biết sự việc giao nhận tiền của bị đơn đối với nguyên đơn nhưng họ là những người làm chứng cho những lần chở keo từ tháng 3/2018 cho đến tháng 11/2018. Do vậy, bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ nguyên đơn còn lại là 68.891.000 (Sáu mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng.

[3] **Hội đồng xét xử xét thấy:** Việc ông Đ có lấy tiền của ông M là có thực, ông M có đưa tiền cho ông Đ nhiều lần để ông Đ đi mua các đám cây keo, khi ông Đ mua được cây keo bì thành phẩm thì ông M mua lại đi bán và trừ dần vào số tiền còn nợ, hai

bên đều thừa nhận việc này. Tuy nhiên, do hai bên không thống nhất số tiền nên dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M cho rằng, ông Đ còn thiếu ông tổng cộng số tiền là 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng, có bằng chứng là tờ giấy ghi nợ do ông Đ ký xác nhận ngày 02/02/2018. Kể từ ngày ký xác nhận nợ nguyên đơn không còn lấy keo của bị đơn nữa và đã thông báo cho bị đơn biết, đồng thời yêu cầu nhiều lần bị đơn phải trả lại số tiền còn thiếu, nhưng bị đơn không chịu trả nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả một lần số tiền còn nợ là 204.450.000 (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng là có căn cứ.

Bị đơn ông Đ thừa nhận có ký xác nhận nợ ngày 02/02/2018 với số tiền 204.450.000đ (Hai trăm linh bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng đã được trả qua nhiều lần từ việc quân ông M cho xe chở kéo đi bán với số tiền là 135.530.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng. Số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 68.891.000 (Sáu mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng, sự việc quân ông M chở keo 05 lần từ tháng 03 đến tháng 11 năm 2018 có sự chứng kiến của một số người cưa keo cho ông Đ, người bốc keo cho ông M. Do vậy, ông Đ chỉ chấp nhận trả số tiền cho ông M là 68.891.000 (Sáu mươi tám triệu tám trăm chín mươi một ngàn) đồng. Tuy nhiên, ông Đ chỉ có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền 135.530.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng cho ông M. Những lời khai của người làm chứng họ khai đều không biết việc ông M và ông Đ làm ăn với nhau như thế nào vay, mượn tiền bạc ra sao.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ phải trả một lần số tiền còn thiếu 204.450.000 (Hai trăm linh bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân M đó với ông Nguyễn Hữu Đ về việc đòi lại tài sản.

[4] **Về án phí:** Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật 204.450.000 đồng x 5% = 10.222.500 (Mười triệu hai trăm hai mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 164, 166 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Xuân M. Buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Xuân M số tiền 204.450.000 (Hai trăm linh bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Đ phải nộp 10.222.500 (Mười triệu hai trăm hai mươi hai ngàn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Xuân M 5.112.000 (Năm triệu một trăm mười hai ngàn) đồng số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007049 ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khánh Vĩnh.

**Quy định:**

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không thi hành án thì còn phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 (Viện dẫn khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015) tương ứng với số tiền chậm thi hành án và thời gian chậm thi hành án.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- THADS huyện Khánh Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Văn Thức**